



UBND TỈNH THUA THIÊN HUẾ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục:

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-SKHDT ngày 14/01/2022
của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Tên Thủ tục hành chính

STT	Tên Thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (51 TTHC) – MỨC ĐỘ 4
1.	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp
2.	Thông báo hủy bỏ Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.
3.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
4.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
5.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
6.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
7.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
8.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
9.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
10.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
11.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
12.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
13.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
15.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tăng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết
16.	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
17.	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
18.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết
19.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
20.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)

21.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
22.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
23.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
24.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
25.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh
26.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
27.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
28.	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền
29.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty
30.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty
31.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
32.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
33.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)
34.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại
35.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
36.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
37.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

38.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác
39.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
40.	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
41.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)
42.	Giải thể doanh nghiệp
43.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
44.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
45.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
46.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
47.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội
48.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội
49.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
50.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
51.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
II	
Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (05 TTHC)	
1.	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập
2.	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
3.	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
4.	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

5.	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)
III	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (04 TTHC)
1.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
2.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.
3.	Chuyên đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội
4.	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
IV	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX) (15 TTHC)
1.	Đăng ký thành lập mới liên hiệp hợp tác xã.
2.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
5.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
6.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
7.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
8.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
10.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
11.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
12.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
13.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
15.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
V	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (22 TTHC)
1.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh
2.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh
3.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
4.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản)
5.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

7.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
8.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
9.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
10.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.
11.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
12.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
13.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
14.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).
15.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16.	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
17.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
20.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
21.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài
22.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
23.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
VI	Lĩnh vực đầu tư (13 TTHC)
	Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư hình thức đối tác công tư PPP và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất
1.	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án.
2.	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.

3.	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.
4.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư.
5.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư
6.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
7.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
8.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
9.	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
10.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
	Mục 2: Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư (03 TTHC).
11.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất
12.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
13.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư.
VII	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (08 TTHC)
1.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
2.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
3.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.
4.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.
5.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại
6.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm (cấp tỉnh).
7.	Xác nhận chuyên gia
8.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
VIII	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.
IX	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (11 TTHC)
	Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
1.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
2.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

3.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
4.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
5.	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)
6.	Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên
7.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp
Mục 3. Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	
8.	Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh
9.	Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
10.	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo
11.	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị
X	Lĩnh vực đầu tư xây dựng (04 TTHC)
1.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.
2.	Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật
3.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật
4.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
XI	Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (05 TTHC)
1.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.
2.	Thẩm định thiết kế thi công và dự toán
3.	Trình phê duyệt dự án
4.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán
5.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu
XII	Lĩnh vực kế hoạch đầu tư
1	Hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Có 51 thủ tục hành chính)
2. Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: (có 05 TTHC)
3. Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Có 04 thủ tục hành chính)
4. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX) (15 thủ tục hành chính)

5. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Có 23 thủ tục hành chính)
6. Lĩnh vực đầu thầu (13 thủ tục hành chính)
7. Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (08 thủ tục hành chính)
8. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 thủ tục hành chính)
9. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (12 thủ tục hành chính)
10. Lĩnh vực đầu tư xây dựng (Có 04 thủ tục hành chính)
11. Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (Có 05 thủ tục hành chính)
12. Lĩnh vực kế hoạch đầu tư (có 01 TTHC)

Tổng cộng: 51+05+04+15+23+13+08+01+11+04+05+01 = 141 TTHC (12 lĩnh vực)